

Bản án số: 130/2018/HS-PT

Ngày: 22-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Quang;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Phùng Hải Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Phạm Ngọc Vỹ
- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 222/2016/TLHS-PT ngày 23-3-2016 đối với bị cáo **Nguyễn Thị S** bị xét xử sơ thẩm về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2016/HSST ngày 19-01-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

* ***Bị cáo có kháng cáo:*** **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1970; ĐKNKTT và cư trú tại Xóm 1, thôn L, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Trình độ học vấn : Lớp 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Tài Đ và bà Vũ Thị H; có chồng Đinh Công L; có 02 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2000) ; bị tạm giam từ ngày 29-8-2015 cho đến nay; có mặt.

Tiền án: *Bản án số 1398/2003/HSPT ngày 19-9-2003 của Tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao xử phạt Nguyễn Thị S 07 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (BL289).*

* Người bào chữa cho bị cáo: *Luật sư Đặng Tiến B – Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình; có mặt.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1965 (bố Phạm Thùy T); cư trú tại Thôn 20, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Ông Vũ Ngọc P, sinh năm 1983 (chồng Trần Thị L); cư trú tại Xóm 8, N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

3. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1961 (bố Trần Thị Thu H); cư trú tại Xóm 5, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

4. Bà Phạm Thị T (mẹ Phạm Duy L), sinh năm 1961 và Ông Phạm Xuân H (là anh trai), sinh năm 1989; cùng cư trú tại Xóm 10 Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; đều có mặt.

Trong vụ án này còn có 12 người bị hại và 07 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Tòa án đã triệu tập nhưng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tài liệu có trong hồ sơ và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình có nội dung tóm tắt như sau:

Trên cơ sở điều tra theo đơn tố cáo, ngày 27-7-2015 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình (CQĐT) đã khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can Nguyễn Thị S về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (BL 01,10,16). Kết quả điều tra xác định Nguyễn Thị S là người không làm nhiệm vụ tuyển dụng công chức, viên chức, nhưng S đã đưa ra các thông tin là mình có mối quan hệ quen biết với nhiều người là lãnh đạo trong UBND tỉnh Ninh Bình; sở Y tế, sở Giáo dục.. nên có thể xin được việc làm cho những ai có nhu cầu. Tin lời S, từ tháng 8/2014 đến **tháng 8/2015** một số người đã đưa tiền và Hồ sơ cho S nhờ xin việc làm cho bản thân, con, cháu hoặc người thân của họ. Sau khi nhận tiền và Hồ sơ, S không xin việc như đã hứa, tiêu hủy hồ sơ và chiếm đoạt số tiền đã nhận. Cụ thể:

[a] Hành vi chiếm đoạt tiền liên quan đến ông Phạm Văn H

[a.1] Thông qua thông gia của S là ông Phạm Văn O giới thiệu, đầu tháng 8/2014 ông Phạm Văn H đã nhờ bà Phạm Thị U (chị gái ông O) dẫn đến nhà nhờ S xin việc làm cho con gái và một số người thân đang có nhu cầu. S nhận lời hướng dẫn làm hồ sơ và hứa hẹn sẽ xin được việc làm cho họ, nhưng mỗi trường hợp phải chi phí khoảng từ 80.000.000đ đến 300.000.000đ. Từ tháng 8/2014 đến tháng 6/2015, ông G đã giao cho S 10 hồ sơ xin việc làm và 2.152.000.000đ. Cụ thể:

- Phạm Thùy T (con gái ông G) xin vào công tác tại bệnh viện Sản - Nhi

tỉnh Ninh Bình nộp 267.000.000đ (BL400;424;448-45).

- Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1984, xin vào làm việc tại Trung tâm y tế huyện Kim Sơn, nộp 180.000.000 đồng (BL406;412;449).

- Nguyễn Thị Thanh A, sinh năm 1991 (con ông Y) vào làm việc tại Trung tâm y tế huyện Kim Sơn, nộp 190.000.000đ (BL399;449-452).

- Phạm Văn D, sinh năm 1992 (con ông Phạm Văn C) xin vào dạy tại trường H, huyện H, tỉnh Ninh Bình, nộp 240.000.000đ (BL508-513).

- Trần Như Q, sinh năm 1992, (con ông Trần Quốc T1) xin vào làm việc tại Bệnh viện Sản – Nhi, tỉnh Ninh Bình, nộp 135.000.000đ (BL401;493;494).

- Phạm Ngọc S1, sinh năm 1993, (con bà Nguyễn Thị U) xin vào làm việc tại Bệnh viện Lao phổi tỉnh Ninh Bình, nộp 265.000.000đ (BL567;568).

- Phạm Thị H1, sinh năm 1992, (con bà Phạm Thị T2) xin vào làm việc tại Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Ninh Bình, nộp 275.000.000đ (BL527-533).

- Trần Thị L, sinh năm 1991, (vợ ông Vũ Ngọc P) xin vào làm việc tại Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Ninh Bình, nộp số tiền 260.000.000đ (BL565;566).

- Hoàng Thị L1, sinh năm 1988, (vợ ông Nguyễn Văn D) xin chuyển từ Bệnh viện Lao phổi sang làm việc tại Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Ninh Bình, nộp 80.000.000đ (BL575-582).

- Phạm Phương T5, sinh năm 1989, (con ông Phạm Văn I) xin vào làm việc tại Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Ninh Bình, nộp 260.000.000đ (BL589-591).

[a.2] Khi nhận hồ sơ và tiền của ông G giao, Nguyễn Thị S hứa sẽ có việc làm sau hai tháng, nhưng chỉ xin cho anh Phạm Văn D được vào làm hợp đồng 04 tháng tại trường H, còn các trường hợp khác đều không xin được việc làm như S đã cam kết. Để tạo lòng tin, ngoài việc S ký Giấy nhận tiền với ông G (BL401;410); S còn dẫn chị Tr, chị H1 đến nộp hồ sơ thi tuyển viên chức tại trường Cao đẳng y tế tỉnh Ninh Bình, đưa chị Tr, chị H, Chị L đến Trung tâm y tế thành phố Ninh Bình khám sức khỏe (BL411); hẹn chị H, chị L đến cổng Bệnh viện Sản – Nhi và Sở Y tế tỉnh Ninh Bình chờ lấy quyết định đi làm việc, nhưng khi gặp S lại nói chưa có quyết định và hứa đến đầu tháng 6/2015 sẽ có quyết định cho mọi người đi làm. (BL402-404).

[a.3] Ngày 02-6-2015, S đi xe taxi đến nhà ông G rồi cùng ông G đến nhà ông Y ở xã V, huyện S giao Quyết định tuyển dụng vào Trung tâm y tế huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình cho chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Nguyễn Văn Tr (BL 452,465). Ngày 15-6-2015 tại nhà ông G, S đã

giao các quyết định số 1874; 1875; 1876; 1877 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình cho các chị Trần Như Q, Phạm Thùy T, Phạm Thị H1, Trần Thị L đến nhận công tác tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Ninh Bình (BL 204, 205, 206, 220, 255, 400, 481). Sau khi phát hiện các Quyết định tuyển dụng của S giao là giả, những người trên đây đã tố cáo và nhiều lần yêu cầu S phải trả lại số tiền đã nhận. S đã trả lại 158.000.000 đồng (trả cho ông G 18.000.000đ và ông Phạm Văn I 140.000.000đ), số tiền còn lại Nguyễn Thị S đã chiếm đoạt là 1.994.000.000đ (BL418;419).

[b] Hành vi chiếm đoạt tiền liên quan đến ông Trần Văn Th

Thông qua chị chồng của S là bà Phạm Thị U giới thiệu, cuối năm 2014 ông Trần Văn Th ở xã K, huyện Y đến nhà gặp S nhờ xin cho con gái là Trần Thị Thu H vào làm việc tại Bệnh viện Công an tỉnh Ninh Bình. S đồng ý nhận hồ sơ và viết giấy biên nhận tiền 03 lần 200.000.000đ nhưng không thực hiện như cam kết, chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên (BL424-428).

[c] Hành vi chiếm đoạt tiền của ông Phạm Duy L

Thông qua bạn là Phạm Văn D, cuối tháng 4/2015 ông Linh điện thoại cho S nhờ xin việc thì S nói với anh L và ông Phạm Xuân H5 (bố anh L) là S có thể xin cho anh L vào dạy học tại trường phổ thông trung học H, thành phố Ninh Bình để vừa đứng lớp dạy học, vừa phụ trách công tác Đoàn. Từ cuối tháng 4/2015 đến ngày 3/8/2015 ông Linh đã đưa hồ sơ và S đã viết giấy nhận tiền tổng số là 250.000.000đ nhưng không thực hiện như cam kết. Sau khi biết mình bị lừa, ông L đã yêu cầu S trả lại tiền thì S đã trả lại cho ông L 70.000.000đ (BL595-605).

[d] Tài liệu giám định

Quá trình điều tra CQĐT đã thu giữ và quyết định trưng cầu giám định tài liệu chữ viết, chữ ký đối với Nguyễn Thị S gồm: 09 tờ Giấy nhận tiền trong quyển vở học sinh do ông Phạm Văn H giao nộp; 04 tờ Giấy biên nhận do ông Trần Văn Th và ông Phạm Duy L giao nộp; 05 tờ Quyết định tuyển dụng số 1870, ngày 02/6/2015; số 1874, 1875, 1876, 1877 ngày 15/6/2015 do ông Phạm Văn H, ông Trần Văn Th, ông Phạm Duy L và những người nhận được Quyết định giao nộp liên quan đến việc nhận tiền và xin việc làm của Nguyễn Thị S (BL 203-206;223;224;243;244;248;253;254).

Tại các Kết luận giám định số 22 ngày 22/6/2015; số 29 ngày 9/7/2015; số 31 ngày 22/7/2015; số 51 ngày 16/9/2015; số 52 ngày 01/10/2015 và số 53 ngày 30/9/2015, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình (BL 229-237) xác định:

[d.1] Hình dấu “Sở Y tế - tỉnh Ninh Bình – Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” trên tài liệu cần giám định (quyết định tuyển dụng công chức viên chức của Sở y tế tỉnh Ninh Bình số 1870 ngày 02/6/2015 đối với chị Nguyễn Thị Thanh A; số 1874, 1875, 1876, 1877 ngày 15/6/2015 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình đối với các chị Trần Như Q, Phạm Thùy T, Phạm Thị H1, Trần Thị L) ký hiệu A; A1; A2; A3; A so với hình dấu “ Sở Y tế - tỉnh Ninh Bình - Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” dưới mục “giám đốc”trên tài liệu mẫu ký hiệu M1; M1 đến M5 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

[d.2] Chữ ký mang tên Giám đốc Lê Hữu Q trên tài liệu cần giám định (quyết định tuyển dụng công chức viên chức của Sở y tế tỉnh Ninh Bình số 1870 ngày 02/6/2015 đối với chị Nguyễn Thị Thanh A; số 1874, 1875, 1876, 1877 ngày 15/6/2015 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình đối với các chị Trần Như Q, Phạm Thùy T, Phạm Thị H1, Trần Thị L) ký hiệu A; A1; A2; A3; A so với chữ ký của ông Lê Hữu Q giám đốc sở Y tế dưới mục “Giám đốc” trên tài liệu mẫu ký hiệu M2; M3; M4 và từ M1 đến M5 không phải do cùng một người ký ra.

[d.3] Chữ viết, chữ ký bằng mực bút bi màu đen tại 09 (chín) “Giấy nhận tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị S dưới mục “Người khai ký tên” trên tài liệu mẫu ký hiệu M1; dưới mục “Người nhận giấy triệu tập” trên tài liệu mẫu ký hiệu M2; dưới mục “Đại diện gia đình” trên tài liệu mẫu ký hiệu M3; chữ viết, chữ ký trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M4 đến M8 là do cùng một người viết, ký ra.

[d.4] Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định (giấy vay tiền, giấy cam kết giữa Nguyễn Thị S với ông Trần Văn Th và bà Phạm Thị T - mẹ của anh Phạm Duy L) ký hiệu A1; A2 so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị S trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 là do cùng một người viết, ký ra.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị S không thừa nhận về hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên của mình. Căn cứ vào tài liệu các Giấy biên nhận tiền và lời khai của những người đã giao tiền cho S và những người được S hướng dẫn xin việc đã xác định tổng số tiền S đã chiếm đoạt của những người có nhu cầu xin việc làm là 2.374.000.000đ. Ông Phạm Văn H đã tự mình trả lại số tiền mình đã nhận được cho những người có nhu cầu xin việc, trừ 35.000.000đ của bà Nguyễn Thị U và 30.000.000đ của bà Phạm Thị T2.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2016/HSST ngày 19-01-2016, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 16 (Mười sáu) năm tù về tội “Lừa

đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-8-2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, - Buộc bị cáo Nguyễn Thị S phải trả lại toàn bộ số tiền 2.374.000.000đ cho những người bị hại sau: + Ông Trần Văn Th 200.000.000đ; ông Phạm Duy L 180.000.000đ; ông Phạm Văn Hồng 1.994.000.000đ. - Buộc ông Phạm Văn H phải trả lại 65.000.000đ cho: Bà Nguyễn Thị U 35.000.000đ; bà Phạm Thị T2 30.000.000đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23-01-2016, bị cáo Nguyễn Thị S kháng cáo kêu oan (BL 790).

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Thị S khai nhận ông G là người bàn bạc với S nhận tiền và hồ sơ của những người có nhu cầu xin việc làm cho mọi người. Ông G nhận tiền và hồ sơ của người xin việc, sau đó giao lý lịch trích ngang của người xin việc để S làm giả Giấy khám sức khỏe và Quyết định tuyển dụng đưa lại cho ông G. Ngày 02-6-2015, S đã cùng ông G giao các Quyết định tuyển dụng giả cho những người xin việc làm. Toàn bộ tiền thu của người xin việc đều do ông G quản lý và hứa hẹn khi xong việc sẽ trả công cho S. Bị cáo S không thừa nhận hứa xin việc làm cho ông Linh và cho con ông Thúy, số tiền ghi trong Giấy biên nhận là tiền S vay họ để kinh doanh. Bị cáo S xin nhận tội, không kêu oan, nhưng yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự của ông Phạm Văn H.

Bà Phạm Thị T khẳng định trực tiếp giao tiền cho S để xin việc làm cho ông Phạm Duy L. Ông Trần Văn Th khẳng định trực tiếp giao tiền cho S để xin việc làm cho con gái Trần Thị Thu H. Ông Vũ Ngọc P khẳng định có giao dịch trực tiếp với S về xin việc làm cho vợ mình là Trần Thị L. Ông Phạm Văn H khẳng định đã giao toàn bộ hồ sơ và tiền của những người xin việc làm, trong đó có cả con gái ông cho S như nội dung các Giấy biên nhận tiền do S ký.

Người bào chữa cho bị cáo không có quan điểm tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bản án đúng người, đúng tội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Có đủ căn cứ xác định bị cáo S phạm tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chính xác, nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án, cần rút kinh nghiệm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện lời khai của bị cáo, lời trình bày của những người tham gia tố tụng và quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị S và những người bị hại đều công nhận Nguyễn Thị S đã nhận tiền của Trần Thị Thu H (bố là Trần Văn Th) 250.000.000đ và Phạm Duy L (bố là Phạm Xuân H5) 200.000.000đ. Bị cáo S cho rằng đây là quan hệ vay tiền theo các Giấy biên nhận, nhưng tất cả những người bị hại trên đây đều khẳng định đưa hồ sơ và tiền cho S để xin việc làm theo thỏa thuận chứ không phải cho S vay tiền như nội dung ghi trên các Giấy biên nhận. Lời khai của những người bị hại có cơ sở vì giữa họ với S không có mối quan hệ thân thiết để cho vay; họ không chủ động nhờ bà U (là chị chồng S) đưa đến nhà S để giao tiền của mình cho S vay; cũng như không thể có việc ông Hải phải thế chấp “bìa đỏ” của em mình để cho S vay. Do vậy, có cơ sở căn cứ xác định Nguyễn Thị S đã hứa hẹn nhận hồ sơ xin việc làm và nhận tiền của Trần Thị Thu H (bố là Trần Văn Th) 250.000.000đ, Phạm Duy L (bố là Phạm Xuân H5) 200.000.000đ, nhưng không thực hiện như cam kết.

[2] Kết luận giám định đã xác định phần chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Thị S và địa chỉ trên 09 Giấy nhận tiền là do bị cáo S ký [d.3]. Nội dung Kết luận giám định phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, nên có căn cứ xác định bị cáo S là người đã ký, viết họ tên và địa chỉ trên 09 tài liệu Giấy nhận tiền. Đây là chứng cứ xác định bị cáo Nguyễn Thị S đã hứa hẹn và nhận từ ông Phạm Văn H 2.152.000.000đ và 10 hồ sơ của những người có nhu cầu xin việc làm, nhưng không thực hiện như cam kết [d.3].

Với phân tích trên, có đủ căn cứ xác định Nguyễn Thị S là người không có chức năng nhiệm vụ tuyển dụng lao động, nhưng đã đưa ra thông tin mình có mối quan hệ thân thiết với một số người là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và lãnh đạo một số ngành của tỉnh Ninh Bình nên có thể xin việc làm cho những ai có nhu cầu. Từ tháng 8/2014 đến tháng 8/2015, S trực tiếp hoặc thông qua những người trung gian (ông Phạm Văn H, Trần Văn Th) nhận hồ sơ và hứa hẹn xin việc làm cho 12 người có nhu cầu lao động nhưng sau đó không thực hiện và chiếm đoạt tổng số tiền 2.374.000.000đ. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị S đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng là đúng người, đúng tội, không oan.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 16 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết mới khác làm căn cứ giảm hình phạt.

Pháp luật quy định bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra. Trong vụ án này, cần xác định “bị hại” là những người có tên trong hồ sơ xin việc bị S lừa đảo sẽ xin được việc làm và chiếm đoạt tiền “chạy việc làm” của họ, còn những người đứng ra thu tiền của “bị hại” giao cho S, hoặc những người thân của “bị hại” giao dịch và nộp tiền cho S chỉ là “Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan”. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định “bị hại” là những người giao dịch trực tiếp với S nhưng không có tên trong hồ sơ xin việc làm (ông Phạm Văn H, Trần Văn Th), hoặc xác định “Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan” là người có hồ sơ xin việc làm đều không chính xác, cần phải điều chỉnh cho phù hợp.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị S, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2016/HSST ngày 19-01-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 16 (Mười sáu) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-8-2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự,

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị S trả lại tổng số tiền 2.374.000.000 đồng đã chiếm đoạt cho những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để trả cho người bị hại. Cụ thể:

+ Ông Phạm Duy L 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng);

+ Ông Trần Văn Th 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);

+ Ông Phạm Văn Hồng 1.994.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu đồng).

- Buộc ông Phạm Văn H phải trả lại 65.000.000 đồng cho:

+ Bà Nguyễn Thị U 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng);

+ Bà Phạm Thị T2 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại HN;
- TAND – VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan THAHS tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan THADS tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo (qua Trại);
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu, HS, HCTP, V1.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Vĩnh Quang